**TIẾT 4,5. Đọc văn.**

**KHÁI QUÁT VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM**

|  |
| --- |
| **Nội dung cần đạt** |
| **I. Khái niệm về VHDG**.  1. ***Ngữ liệu***.  - Lời ru: +, Gió mùa thu mẹ ru con ngủ…  +, Bà Còng đi chợ trời mưa…  +, Con cò mà đi ăn đêm…  - Lời kể: Tấm Cám, Sọ Dừa…  - Môi trường diễn xướng, lễ hội dân gian.  - > làm giàu thêm vốn tri thức về văn hóa dtộc, bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước, con người, phong tục, tập quán…  2. ***Khái niệm***.  - VHDG là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng, sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể nhằm mục đích phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng.  **II. Đặc trưng cơ bản của VHDG.**  **1. *VHDG là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng( tính truyền miệng)*.**  - VHDG là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ.  \* VD: +, Bây giờ mận mới hỏi đào…  +, Thuyền về có nhớ bến chăng?...  -> Mận - đào, thuyền – bến là những hình ảnh ẩn dụ biểu tượng cho nam – nữ trong tình yêu…  +, Chuồn chuồn bay thấp thì mưa…  +, Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.  -> quan sát những hiện tượng tự nhiên để dự báo thời tiết.  => Tính nghệ thuật của VHDG được thể hiện qua ngôn từ có hình ảnh, cảm xúc.  - VHDG tồn tại và phát triển nhờ truyền miệng.  +, Tính truyền miệng: phổ biến bằng lời nói hoặc bằng trình diễn.  “Trăm năm bia đá thì mòn  Nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ”  -> làm nên sự phong phú, đa dạng ( dị bản)  +, Truyền miệng theo không gian( di chuyển từ nơi này…) và thời gian( bảo lưu tác phẩm)  +, Quá trình truyền miệng : diễn xướng dân gian (nói, kể, hát, diễn).  **2. *VHDG là sản phẩm của quá trình sáng tác tập thể( tính tập thể).***  - Cá nhân khởi xướng-> tác phẩm hình thành và được tập thể tiếp nhận, sau đó được lưu truyền , sáng tác lại->hoàn chỉnh về nội dung, hình thức.  ***3. Tính thực hành:***  - Là sự gắn bó và phục vụ trực tiếp cho các sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng.  Đời sống lao động. Đời sống gia đình.  Đời sống nghi lễ thờ cúng, tang ma, cưới hỏi.  Đời sống vui chơi giải trí...  - VD: Bài ca lao động: *Hò sông Mã*, *hò giã gạo*,...  Bài ca nghi lễ: Hát mo *Đẻ đất đẻ nước* của người Mường,...  Các bài hát ru em, ru con, ca dao tình cảm ra đời gắn với đời sống gia đình.  **III.** **Hệ thống thể loại của VHDG: SGK**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tự sự | Trữ tình | Nghị luận | Sân khấu | | - Thần thoại  - Sử thi  - Truyền thuyết  - Truyện cổ tích  - Truyện cười  - Truyện ngụ ngôn  - Truyện thơ  - Vè | - Ca dao | - Tục ngữ  - Câu đố | - Chèo | |

**Bảng hệ thống các thể loại văn học dân gian Việt Nam:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Đặc điểm** | |
| Thần thoại | Hình thức | Văn xuôi tự sự |
| Nội dung | Kể lại sự tích các vị thần sáng tạo thế giới tự nhiên và văn hoá, phản ánh nhận thức của con ngư­ời thời cổ đại về nguồn gốc của thế giới và đời sống con ngư­ời. |
| Sử thi dân gian | Hình thức | Văn vần hoặc văn xuôi, hoặc kết hợp cả hai. |
| Nội dung | Kể lại những sự kiện lớn có ý nghĩa quan trọng đối với số phận cộng đồng. |
| Truyền thuyết | Hình thức | Văn xuôi tự sự |
| Nội dung | Kể lại các sự kiện và nhân vật lịch sử hoặc có liên quan đến lịch sử theo quan điểm nhìn nhận lịch sử của nhân dân. |
| Truyện cổ  tích | Hình thức | Văn xuôi tự sự |
| Nội dung | Kể về số phận của những con ngư­ời bính thường trong xã hội(người mồ côi, ngư­ời em, ngư­ời dũng sĩ, chàng ngốc,… ; thể hiện quan niệm và mơ ư­ớc của nhân dân về hạnh phúc và công bằng xã hội. |
| Truyện cư­ời | Hình thức | Văn xuôi tự sự |
| Nội dung | Kể lại các sự việc, hiện tư­ợng gây cư­ời nhằm mục đích giải trí và phê phán xã hội. |
| Truyện ngụ ngôn | Hình thức | Văn xuôi tự sự |
| Nội dung | Kể lại các câu chuyện trong đó nhân vật chủ yếu là động vật và đồ vật nhằm nêu lên những kinh nghiệm sống, bài học luân lí, triết lí nhân sinh. |
| Tục ngữ | Hình thức | Lời nói có tính nghệ thuật |
| Nội dung | Đúc kết kinh nghiệm của nhân dân về thế giới tự nhiên, về lao động sản xuất và về phép úng xử trong cuộc sống con ngư­ời. |
| Ca dao, dân ca | Hình thức | Văn vần hoặc kết hợp lời thơ và giai điệu nhạc |
| Nội dung | Trữ tình, diễn tả đời sống nội tâm của con người |
| Vè | Hình thức | Văn vần |
| Nội dung | Thông báo và bình luận về những sự kiện có tính chất thời sự hoặc những sự kiện lịch sử đư­ơng thời. |
| Truyện thơ | Hình thức | Văn vần |
| Nội dung | Kết hợp trữ tình và tự sự, phản ánh số phận của ngư­ời nghèo khổ và khát vọng về tình yêu tự do, về sự công bằng trong xã hội |
| Các thể loại sân khấu | Hình thức | Các hình thức ca kịch và trò diễn có tích truyện, kết hợp kịch bản với nghệ thuật diễn xuất |
| Nội dung | Diễn tả những cảnh sinh hoạt và những kiểu mẫu ngư­ời điển hình trong xã hội nông nghiệp ngày xưa. |

|  |
| --- |
| **III**. **Những giá trị cơ bản của VHDG.**  ***1. VH dân gian là kho tri thức vô cùng phong phú về đời sống các dân tộc (giá trị nhận thức):***  - VH dân gian ⭢ là tri thức về mọi lĩnh vực của đời sống tự nhiên, xã hội và con người⭢ phong phú.⭢ là tri thức của 54 dân tộc⭢ đa dạng.  - VH dân gian thể hiện trình độ nhận thức và quan điểm tư tưởng của nhân dân lao động nên nó mang tính chất nhân đạo, tiến bộ, khác biệt và thậm chí đối lập với quan điểm của giai cấp thống trị cùng thời.  VD: + *Con vua thì lại làm vua*  *Con sãi ở chùa thì quét lá đa*  *Bao giờ dân nổi can qua*  *Con vua thất thế lại ra quét chùa.*  + *Đừng than phận khó ai ơi*  *Còn da: lông mọc, còn chồi: nảy cây...*  - Tri thức dân gian thường được trình bày bằng ngôn ngữ nghệ thuật⭢ hấp dẫn, dễ phổ biến, có sức sống lâu bền với thời gian.  VD: Bài học về đạo lí làm con:  *Công cha như núi Thái Sơn*  *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*  *Một lòng thờ mẹ kính cha*  *Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*  ***2.VH dân gian có giá trị giáo dục sâu sắc về đạo lí làm người:***  - Tinh thần nhân đạo:  + Tôn vinh giá trị con người (tư tưởng nhân văn).  + Tình yêu thương con người (cảm thông, thương xót).  + Đấu tranh không ngừng để bảo vệ, giải phóng con người khỏi bất công, cường quyền (Tấm Cám, Chử Đồng Tử, ..).  - Hình thành những phẩm chất truyền thống tốt đẹp:  + Tình yêu quê hương, đất nước.  + Lòng vị tha, đức kiên trung.  + Tính cần kiệm, óc thực tiễn,...  ***3. VH dân gian có giá trị thẩm mĩ to lớn, góp phần quan trọng tạo nên bản sắc riêng cho nền VH dân tộc:***  - Nhiều tác phẩm VH dân gian trở thành mẫu mực nghệ thuật để người đời học tập.  - Khi VH viết chưa phát triển, VH dân gian đóng vai trò chủ đạo.  - Khi VH viết phát triển, VH dân gian là nguồn nuôi dưỡng, là cơ sở của VH viết, phát triển song song, làm cho VH viết trở nên phong phú, đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc.  Ảnh hưởng của ca dao, dân ca trong đoạn thơ :   * Hình thức :   + Thể thơ lục bát  + Cặp đại từ xưng hô mình – ta...   * Nội dung : Nói về nghĩa tình cách mạng thủy chung son sắt – một truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.   Yêu cầu :  -Hình thức : đúng thể thơ lục bát.  -Nội dung : tự chọn, nên viết về tình cảm, cảm xúc của cá nhân trước thiên nhiên, con người, cuộc sống xung quanh. Đề tài phải phù hợp lứa tuổi, chuẩn mực đạo đức chung. |

**TIẾT 6. Tiếng Việt.**

**VĂN BẢN**

|  |
| --- |
| **Nội dung cần đạt** |
| **I.** **Khái niệm, đặc điểm**.  1. Khảo sát ngữ liệu.( Sgk – 23 )  - Văn bản: HĐGT bằng ngôn ngữ.  - Nhu cầu: trao đổi kinh nghiệm sống, trao đổi tình cảm và thông tin chính trị – xã hội.  - Dung lượng: 1 câu, nhiều câu.   * Nội dung giao tiếp:   +, Văn bản 1: hoàn cảnh sống có thể tác động đến nhân cách con người theo hướng tích cực , tiêu cực.  +, Vbản 2: số phận đáng thương của người phụ nữ trong XH cũ.  +, VBản 3: kêu gọi toàn dân đứng lên k/chiến chống Pháp.( Bố cục 3 phần: mở đầu- > nêu lí do…, thân bài-> nêu nhiệm vụ cụ thể, kết bài-> kđịnh quyết tâm chiến đấu và sự tất thắng…).  - Mục đích giao tiếp:  +,Vbản 1: nhắc nhở 1 kinh nghiệm sống.  +, Vbản 2: nêu 1 hiện tượng trong đời sống để mọi người cùng suy ngẫm.  +, Vbản 3: kêu gọi thống nhất ý chí và hành động.  2. Nhận xét:  \* Khái niệm , đặc điểm của vbản ( ghi nhớ Sgk – 24).  - Văn bản là sản phẩm của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ,gồm một câu hay nhiều câu, nhiều đoạn.  Đặc điểm văn bản :  - Văn bản bao giờ cũng tập trung nhất quán vào một chủ đề và triển khai chủ đề đó một cách trọn vẹn.  - Các câu trong văn bản có sự liên kết với nhau chặt chẽ bằng các liên từ và liên kết về mặt nội dung. Đồng thời, cả văn bản còn phải đư­ợc xây dung theo một kết cấu mạch lạc, rõ ràng.  - Mỗi văn bản th­ường hư­ớng vào thực hiện một mục đích giao tiếp nhất định.  - Mỗi văn bản có những dấu hiệu hình thức riêng biểu hiện tính hoàn chỉnh về mặt nội dung: thư­ờng mở đầu bằng một tiêu đề và có dấu hiệu kết thúc phù hợp với từng loại văn bản.  **II. Các loại văn bản**.  1. Khảo sát ngữ liệu.  a. Phạm vi sử dụng:  +,Vbản 1,2: lĩnh vực gtiếp có tính nghệ thuật.  +, Vbản 3: lĩnh vực gtiếp về chính trị.  +, Vbản sgk môn Toán: lĩnh vực gtiếp khoa học.  +, Đơn từ: lĩnh vực hành chính.  - **Mục đích gtiếp**:  +, Vbản 2: bộc lộ cảm xúc.  +, Vbản 3: kêu gọi, thuyết phục.  +,Sgk Toán: cung cấp tri thức, mở rộng, nâng cao hiểu biết cho người học.  +, Đơn từ: trình bày ý kiến, nguyện vọng…  - **Từ ngữ**:  +, Vbản 2: từ ngữ thông thường, giàu hình ảnh…🡪 kết cấu ca dao, thể thơ lục bát.  +, Vbản 3: nhiều lớp từ chính trị, XH…🡪kết cấu 3 phần mạch lạc, rõ ràng.  +, Sgk Toán: từ ngữ, thuật ngữ khoa học…🡪 kết cấu các phần mạch lạc, chặt chẽ.  +, Đơn từ: lớp từ hành chính…🡪 mẫu in sẵn, chỉ cần điền nội dung.  b. Mục đích giao tiếp:  - Văn bản 2: Bộc lộ cảm xúc.  - Văn bản 3: kêu gọi toàn dân kháng chiến.  - Văn bản SGK: truyền thụ kiến thức khoa học.  - Đơn từ và giấy khai sinh: Trình bày ý kiến, nguyện vọng.  c. Từ ngữ:  Văn bản (1) đề cập đến một kinh nghiệm trong cuộc sống (nhất là việc giao kết bạn bè)  Văn bản (2) nói đến thân phận của người phụ nữ trong xã hội cũ,  Văn bản (3) đề cập tới một vấn đề chính trị (kêu gọi mọi người đứng lên chống Pháp). Các vấn đề này đều được triển khai nhất quán trong từng văn bản.  Văn bản (2) và (3) có nhiều câu nhưng chúng có quan hệ ý nghĩa rất rõ ràng và được liên kết với nhau một cách chặt chẽ (bằng ý nghĩa hoặc bằng các liên từ).  d. Kết cấu:  Ở văn bản (2), mỗi cặp câu lục bát tạo thành một ý và các ý này được trình bày theo thứ tự "sự việc" (hai sự so sánh,ví von). Hai cặp câu này vừa liên kết với nhau bằng ý nghĩa, vừa liên kết với nhau bằng phép lặp từ ("thân em"). Ở văn bản (3), dấu hiệu về sự mạch lạc còn được nhận ra qua hình thức kết cấu 3 phần : Mở bài, thân bài và kết bài.  - Mở bài : Gồm phần tiêu đề và câu "Hỡi đồng bào toàn quốc!".  - Thân bài : tiếp theo đến "… thắng lợi nhất định về dân tộc ta!".  - Kết bài : Phần còn lại.  2. Nhận xét  \* **Ghi nhớ** ( Sgk – 25 )  **III. Luyện tập.**  Bài 1. Trắc nghiệm:  Nối tên văn bản với các loại văn bản tương ứng:  Tên văn bản: Loại văn bản  a, Thư viết cho bạn a, VBNThuật  b, Hóa đơn điện b, VBKHọc  c, Tổng quan VHVN. c, VBBChí  d, Bánh trôi nước. d, VBCLuận  e, TNĐLập. e, VBSHoạt  g, Mục: Người tốt.. g, VBHChính  Bài 2.  Yêu cầu : đúng hình thức của một lá đơn xin nghỉ học, nội dung hợp lí, từ ngữ sử dụng đúng phong cách ngôn ngữ hành chính. |

|  |
| --- |
| **A. Củng cố lý thuyết.**  1. Khái niệm văn bản.  2. Đặc điểm của văn bản.  3. Các loại văn bản.  **B.** **Luyện tập**.  \* ***BT1 ( 37 )***  a, Đoạn văn có 1 chủ đề thống nhất:câu chốt đứng ở đầu câu được làm rõ bằng các câu tiếp theo.  b, Ý khái quát( luận điểm): “ Giữa cơ thể…qua lại với nhau”-> được làm sáng tỏ bằng 2 luận cứ:  +, Môi trường có ảnh hưởng tới mọi đặc tính của cơ thể.  +, So sánh các lá mọc trong các môi trường khác nhau.-> 4 luận chứng: lá cây đậu Hà Lan, cây mây, cây xương rồng, cây lá bỏng => làm rõ luận cứ và luận điểm.  => Ý chung của đoạn được triển khai rất rõ ràng.  c, Nhan đề: ảnh hưởng của môi trường sống đến cơ thể.  ***\* BT2(38 )***  - 2 cách:  +, 1- 3 – 5 – 2 - 4.  +, 1- 3 – 4 – 5 -2.  - Nhan đề: giá trị nội dung bài thơ Việt Bắc.  \* ***BT3 (38 )***  - Môi trường sống kêu cứu.  Môi trường sống của loài người hiện nay đang bị hủy hoại ngày càng nghiêm trọng. Rừng đầu nguồn bị chặt phá, khai thác bừa bãi là nguyên nhân gây ra lụt, lở, hạn hán kéo dài. Các sông, suối , nguồn nước ngày càng bị cạn kiệt và bị ô nhiễm do chất thải của các khu công nghiệp, các nhà máy đổ ra… Tất cả những vấn đề đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống con người. Hơn ai hết, chúng ta chính là những người cần bảo vệ môi trường.  \* ***BT4 (38 )***  Đơn xin phép nghỉ học.  a. Người nhận: Thầy (cô) giáo chủ nhiệm và các thầy (cô) bộ môn.  - Người viết: Học trò.  b. Mục đích: Xin phép được nghỉ học trong một thời gian nhất định.  c. Nội dung: Cần nêu rõ:  - Họ và tên, lớp, trường.  - Lí do xin nghỉ học.  - Thời gian xin nghỉ.  - Lời hứa thực hiện đầy đủ các công việc học tập khi phải nghỉ học.  d. Kết cấu:- Quốc hiệu, tiêu ngữ.  - Tên đơn.  - Người nhận, đơn vị công tác của người nhận.  - Họ và tên, lớp, trường của hs.  - Lí do xin nghỉ học.  - Thời gian xin nghỉ.  - Lời hứa thực hiện đầy đủ các công việc học tập khi phải nghỉ học.  - Địa điểm, thời gian viết đơn.  - Kí tên.  - Xác nhận của phụ huynh hs.   * VB chia làm 2 nhóm:   + VB sáng tạo: chính luận, KH, nghệ thuật, sinh hoạt, báo chí…  + VB theo mẫu: hợp đồng, biên bản, đơn từ, hành chính.  + VB thuộc PCNN nghệ thuật: Dùng trong lĩnh vực giao tiếp có tính nghệ thuật, để bộc lộ cảm xúc, từ ngữ thông thường, giàu hình ảnh, ca dao …  + VB thuộc PCNN chính luận: Dùng trong lĩnh vực giao tiếp về chính trị, mang tính toàn dân, dùng từ ngữ chính trị, kết cấu mạch lạc, chặt chẽ.  + VB thuộc PCNN khoa học: Dùng trong lĩnh vực giao tiếp khoa học, để truyền thụ kiến thức khoa học, từ ngữ khoa học, kết cấu mạch lạc, chặt chẽ.  + VB thuộc PCNN hành chính: Dùng trong lĩnh vực giao tiếp hành chính, để trình bày ý kiến hay ghi nhận sự việc, hoạt động trong đời sống, thường theo mẫu in sẵn. |

**TIẾT 7,8,9. Đọc văn.**

**CHIẾN THẮNG MTAO MXÂY**

(Trích *Đăm Săn* - Sử thi Tây Nguyên)

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Thể loại**  **a.Khái niệm**:  (Học sinh nêu kiến thức đã học ở bài trước)  -Là các tác phẩm tự sự dân gian có quy mô lớn, sử dụng ngôn từ có vần, nhịp,xây dựng các hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng để kể về một hay nhiều biến cố lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng của cư dân thời cổ đại.  **b.Một số đặc điểm**:  -Là thành tựu của các dân tộc thiểu số Việt Nam(chưa tìm thấy sử thi của người Kinh)  -Có hai loại : sử thi thần thoại và sử thi anh hùng  **2.Tóm tắt sử thi Đăm Săn : SGK**  **3**.**Vị trí đoạn trích**: (ở phần đầu tác phẩm)  -Bị Mtao Mxây lừa lúc vắng nhà,cướp phá buôn,cướp vợ Hơ Nhị  -Đăm Săn tổ chức đánh trả.  - Đoạn trích kể về cuộc giao chiến giữa Đăm Săn và Mtao Mxây. Đăm Săn chiến thắng, cứu được vợ và thu phục được dân làng của tù trưởng Mtao Mxây.  **4**. **Đọc – chú thích đoạn trích**  -Đọc đoạn trích (chọn đoạn giao tranh)  **5. Bố cục**  - Các đoạn nhỏ:  + Tả cảnh nhà Mtao Mxây: Đăm Săn thách đấu, nói khích để Mtao MXây ra khỏi nhà.  + Tả trận đánh giữa hai người.  + Đăm Săn dẫn tôi tớ của mình và của Mtao Mxây về bản mở tiệc lớn, đánh chiêng ăn mừng chiến thắng.  + Hình ảnh oai hùng, dũng mãnh của người anh hùng Đăm Săn.  **=> Đại ý:** Miêu tả cuộc đọ sức giữa Đăm Săn và Mtao Mxây. Cuối cùng, Đăm Săn đã chiến thắng, trở thành tù trưởng giàu có và hùng cường đồng thời thể hiện niềm tự hào của dân làng về người anh hùng Đămsăn  **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **1.Hình ảnh Đăm Săn và Mtao Mxây trong cuộc chiến**  - *Nguyên nhân*: ĐS khiêu chiến vì MM cướp vợ của chàng.  *=> Trọng danh dự cá nhân, cộng đồng; gắn bó với hạnh phúc gia đình; bộ tộc.*  a**.Lúc khiêu chiến:**  ĐĂM SĂN: - ta thách nhà ngươi   * Xuống! Xuống! * ta sẽ lấy cái sàn hiên…bổ đôi… * sao ta lại đâm ngươi khi ngươi đang đi…   -> Một tư thế đàng hoàng, tự tin, chủ động, một thái độ dứt khoát, quyết liệt.  MTAO MXÂY:-ta không xuống đâu…  -ngươi không được đâm ta…  - ta sợ ngươi đâm ta…  - dáng tần ngần do dự…  -> Một thái độ do dự, thiếu tự tin, nhát sợ trước Đăm Săn  b**.Lúc giao tranh**:  ĐĂM SĂN: - một lần xốc tới chàng vượt một đồi tranh…   * chạy vun vút … * múa trên cao, gió như bão * phá tan chuồng lợn * đâm phập-cắt đầu bêu…   MTAO MXÂY: - múa khiên: kêu lạch xạch như quả mướp khô   * bước cao, bước thấp… * tháo chạy, tránh chuồng lợn… * ngã lăn quay, bị chặt đầu   \*Hình tượng Đăm Săn : mang vẻ đẹp dũng mãnh, kỳ vĩ, sức mạnh siêu phàm, tầm vóc thần linh- hội tụ sức mạnh cộng đồng. Đây cũng là ước mơ, khát vọng của cộng đồng có được người anh hùng chiến thắng mọi thế lực…  \*Ngôn ngữ : giàu hình ảnh, từ ngữ có ấn tượng mạnh,động từ mạnh, nhịp điệu vừa cân đối vừa hào hùng.Phép trùng điệp, trùng lặp trong tổ chức câu. Phép phóng đại, so sánh ở mức độ kỳ vĩ với sức mạnh của thiên nhiên, thần linh…  **2.Ý nghĩa của cuộc giao tranh và chiến thắng của Đăm Săn**  \*Kết quả:  - Giải thoát cho vợ (không được chú tâm miêu tả)  - Thu phục nô lệ, của cải, mở rộng đất đai  \*ý nghĩa:  -Trọng danh dự, bảo vệ hạnh phúc gia đình  - Mang lại sự phồn thịnh, lớn mạnh cho cộng đồng  - Khát vọng cuộc sống bình yên  \*Thái độ của cộng đồng đối với cuộc chiến và người anh hùng:  - Cuộc đối thoại giữa Đăm Săn và nô lệ : 3 lần hỏi , 3lần đáp( một nhà, tất cả các nhà, mỗi nhà)  + các nô lệ tự nguyện đi theo, mang theo của cải  + tuân phục tuyệt đối với cá nhân anh hùng  -> Thể hiện sự thống nhất cao độ giữa quyền lợi, khát vọng của cá nhân anh hùng và cộng đồng : sau cuộc chiến, họ sống trong cùng một nhóm đông hơn, giàu mạnh hơn  Lòng yêu mến, ngưỡng mộ người anh hùng, ý chí thống nhất của toàn thể cộng đồng- ý thức dân tộc.  - Dân làng Đăm Săn đối với chiến thắng của tù trưởng:  +Lời nghệ nhân: bà con xem…(điệp khúc)- tự hào, kiêu hãnh  +Cảnh ăn mừng tưng bừng, tiệc tùng linh đình.  - Các tù trưởng khác cũng ngưỡng mộ, chúc mừng  Niềm vui mừng, phấn khởi, tự hào, đấy là chiến thắng của chính họ. Ca ngợi tù trưởng anh hùng của mình. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Đăm Săn** | **Mtao Mxây** |
| **Hiệp 1** | - Khích, thách Mxây múa trước  - Bình tĩnh, thản nhiên | Múa khiên như trò chơi, khiên kêu lạch xạch như quả mướp khô, tự xem mình là tướng quen đánh trăm trận, quen xéo nát đất đai thiên hạ (chủ quan, ngạo mạn) |
| **Hiệp 2** | - Đamsan múa trước: múa khiên vừa khoẻ, vừa đẹp (vượt đồi tranh, đồi lồ ô, chạy vun vút qua phía đông, phía tây...)  - Nhai được miếng trầu của vợ -> mạnh hơn | - Hoảng hốt trốn chạy bước cao bước thấp (yếu sức)  - Chém trượt, chỉ trúng chão cột trâu  - Cầu cứu Hơ Nhị |
| **Hiệp 3** | - Đamsan múa, đuổi đánh, đâm trúng kẻ thù nhưng không thủng -> cầu cứu thần linh | - Chạy, vừa chạy vừa chống đỡ |
| **Hiệp 4** | - Được ông Trời mách kế  - Đuổi theo  - Giết chết kẻ thù | - Vùng chạy cùng đường, xin tha mạng  - Bị giết |

|  |
| --- |
| **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (tiếp)**  **3. Cảnh ăn mừng chiến thắng**  - Nghi lễ: + tế lễ thần linh  + tổ chức ăn mừng: đánh chiêng, rượu thịt nhiều vô kể  + mọi người chúc mừng…  Quan niệm tôn thờ thần linh, tập tục ăn mừng chiến thắng của người Ê- Đê  - Hình ảnh Đăm Săn:  +Lời hiệu triệu: ơ các con, ơ các con…,hỡi anh em trong nhà, hỡi bà con trong làng…  +Lời chỉ huy, ra lệnh: hãy đánh chiêng lên, hãy đi lấy rượu…  + Hình dáng, cơ thể: đôi mắt long lanh như mắt chim ghếch, bắp chân to bằng cây xà ngang…  +Trang phục:ngực quấn một tấm mền chiến,mình khoác một tấm áo chiến, tai đeo nụ..  +Hình ảnh ăn uống, vui chơi: uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán,tóc thả trên sàn…  +Sức mạnh: nằm sấp thì gãy rầm sàn,nằm ngửa thì gãy xà dọc  -> Hình tượng Đăm Săn được miêu tả đậm nét, toàn diện,toả sáng vẻ đẹp kỳ vĩ, trong thái độ ngưỡng mộ tôn thờ của cộng đồng. Người anh hùng sử thi trở nên chói sáng là tâm điểm của cộng đồng.  - Đặc điểm nghệ thuật :những đoạn văn dài, câu dài với so sánh phóng đại trùng điệp,liệt kê trùng điệp,kiểu câu cảm thán, hô ngữ,hình ảnh hào hùng, nhịp điệu nhịp nhàng, sôi nổi…tạo nên vẻ đẹp của văn phong sử thi  - Ý nghĩa của việc mô tả đậm nét cảnh ăn mừng chiến thắng:  +Bộc lộ quan điểm về chiến tranh bộ tộc lúc bấy giờ: mở rộng cộng đồng, đồng tình với sự phát triển, lớn mạnh của cộng đồng =>Cho nên bộc lộ niềm vui say sưa ca ngợi chiến thắng,hướng về cuộc sống thịnh vượng, no đủ đoàn kết. Đó là khát vọng lớn lao cao đẹp của xã hội Ê-đê.  **III. TỔNG KẾT**   1. Vẻ đẹp của nghệ thuật sử thi:   -Xây dựng hình tượng anh hùng kỳ vĩ tầm vóc thần linh  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, trang trọng với phép so sánh và phóng đại độc đáo  - Câu cảm thán, hô ngữ, trùng điệp, liệt kê,  => Tạo nên một phong cảnh riêng cho Sử thi: phong cách lãng mạn hào hùng, đầy sức hấp dẫn.  2. Vẻ đẹp của nội dung tư tưởng:  - Ca ngợi người anh hùng tài năng, phẩm chất cao đẹp: trọng danh dự, gắn bó với hạnh phúc gia đình, thiết tha với sự phồn vinh của thị tộc  - Khát vọng cao đẹp của con người đã được khẳng định từ ngàn xưa  **IV. LUYỆN TẬP :** Luyện tập bài ở SGK  - Đề cao vai trò của thần linh trợ giúp con người trong buổi đầu xây dựng bờ cõi - quan niệm của người xưa.  - Cũng chính là đề cao con người có trí tuệ sức mạnh như thần linh.  Thần linh và con người gần gũi mật thiết. Đó là dấu vết của tư duy thần thoại cổ sơ.  🡪Vai trò của con người và thần linh trong cuộc chiến đầu của Đăm Săn (Trời góp ý, phút loé sáng của người anh hùng, vừa là sự thông minh, khéo léo của nhân dân chỉ vẽ cho chàng.Ông trời- sức mạnh của thần linh, vừa là trí tuệ của nhân dân. Trong cuộc chiến này có sức mạnh con người, thần linh, tâm hồn và trí tuệ người anh hùng). Tuy nhiên vai trò đó chỉ mang tính gợi ý chứ không quyết định.  \*Gợi ý:  - Tinh thần trách nhiệm xây dựng cộng đồng  - Trọng danh dự biết chiến đấu chống lại các thế lực thù địch để bảo vệ danh dự cộng đồng  - Biết tập hợp sức mạnh và tinh thần đoàn kết toàn dân  - Dám đương đầu với khó khăn, thử thách, lòng dũng cảm, tinh thần hiệp nghĩa.  \*Các sáng tác STTN có ý nghĩa vô cùng quan trọng:  - Phản ánh đời sống văn hóa tinh thần người Tây Nguyên  - Khẳng định những phẩm chất của người anh hùng…  \* Biện pháp  - Tuyên truyền…  - Hình thức quảng bá văn hóa và giới thiệu sử thi.  - Có hình thức dạy học phù hợp tạo hứng thú với thế hệ trẻ. |